

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 28/09/2023

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TD2+P9	7:25	20+1	0+0		19+3	0+0	
2		P9+P10	9:25	18+4	0+0		18+4	0+0	

TTBBSX



FLIGHT MANIFEST

DATE: 28/09/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	TO: TD2 - P9	CREW: TUYỀN - N.ANH - HIẾU	ETA: 09:20
XANH-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VANEEV DMITRIY	TD2	07	1	10	65	100	KHOAN	Russian
2	GROMOV SERGEY	TD2	08	1	12		87	KHOAN	Russian
3	BUI HUU HONG	TD2					85	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYEN THANH TUYEN	TD2	77	1	7		81	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYEN THANH BINH	TD2	98	1	5		77	KHOAN	Vietnamese
6	BUI TRUNG THO	TD2					71	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYEN THANH TUNG	TD2	10	1	5		57	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYEN MINH HAI	TD2	15	1	7		80	KHOAN	Vietnamese
9	TRINH HONG SON	TD2	13	1	7		65	KHOAN	Vietnamese
10	PHAM VAN THANG	TD2	09	1	8		80	KHOAN	Vietnamese
11	LE PHU	TD2	48	1	5		64	KHOAN	Vietnamese
12	NGO QUANG HUNG	TD2	16	1	4		79	KHOAN	Vietnamese
13	MAI DAI HAI	TD2	97	1	11		69	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYEN TRONG KHOA	TD2	98-99	2	20		64	KH-THAC	Vietnamese
15	BUI THO DUONG	TD2	17	1	6		62	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYEN VAN HAI	TD2	14	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
17	TRUONG QUOC THANG	TD2	05-06	2	20		80	DVL	Vietnamese
18	NGUYEN DINH LONG	TD2	12	1	10		65	XAYLAP	Vietnamese
19	NGUYEN DUY KHANH	TD2	11	1	20		68	XAYLAP	Vietnamese
20	VU DINH TU	TD2	99	1	10		65	PSV	Vietnamese
21	BUI NGOC LAM	P9	03	1	6	5	74	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD2	20	20	172	1.459	65	19		
2	P9	1	1	6	74	5	3		
TOTAL		21	21	178	1.533	70	22		
WEIGHT KG				178	1.533	70			

GRAND TOAL: 1.781 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 28/09/2023	TO: P9 - P10	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:50
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: TUYỀN - N.ANH - HIẾU	ETA: 11:40
XANH-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VU VAN DOANH	P9					70	KHOAN	Vietnamese
2	TRAN LE KIEN	P9	08	1	5		79	KHOAN	Vietnamese
3	VO VAN HUNG	P9	17	1	10		70	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYEN VAN DAM	P9	04	1	5		81	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYEN QUANG HAO	P9	16	1	5		85	KHOAN	Vietnamese
6	PHAM DINH THUYET	P9	07	1	10		78	KHOAN	Vietnamese
7	TRAN QUOC TUAN	P9					68	KHOAN	Vietnamese
8	PHAN TUAN LONG	P9	12	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYEN QUOC TUAN	P9	11	1	10		85	KHOAN	Vietnamese
10	PHAM VAN SON	P9	09	1	7		57	KHOAN	Vietnamese
11	VU NGOC TU	P9	15	1	12		74	KH-THAC	Vietnamese
12	VU VIET HUAN	P9	18	1	13		72	KH-THAC	Vietnamese
13	VU THAI THANH	P9	19-20	2	16		75	KH-THAC	Vietnamese
14	TRAN QUOC HUNG	P9	13-14	2	20		87	KH-THAC	Vietnamese
15	PHAM CONG TUAN	P9	21	1	5		60	PSV	Vietnamese
16	HO MINH PHUC	P9	10	1	6		85	PSV	Vietnamese
17	LE VAN VIET	P9	06	1	2		80	PSV	Vietnamese
18	NGUYEN VAN QUANG	P9	05	1	5		65	PSV	Vietnamese
19	HO NGOC THANH	P10	17	1	6	22	55	PSV	Vietnamese
20	NGUYEN VAN NANG	P10	19	1	5		65	PSV	Vietnamese
21	NGUYEN ANH QUANG	P10	16	1	5		60	PSV	Vietnamese
22	LE VAN DUC	P10	18	1	10		60	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P9	18	18	136	1.341	0	18		
2	P10	4	4	26	240	22	4		
TOTAL		22	22	162	1.581	22	22		
WEIGHT KG				162	1.581	22			

GRAND TOAL: 1.765 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐBT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 30/09/2023

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		AMD+TGTH4+HST	7:25	15+4+3	0+0+0		13+0+0	0+0+0	

TTBDSX



FLIGHT MANIFEST

DATE: 30/09/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	TO: AMD - TGTH4 - HST	CREW: Linh - ĐNam - MQUÂN	ETA: 09:20
XANH-1	2 3 1		

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHAN XUAN VU	AMD	07-08	2	19		66	GLOCOM	Vietnamese
2	PHAM VAN TU	AMD	05-06	2	11		71	GLOCOM	Vietnamese
3	CAO CHIEN THANG	AMD	03	1	5	40	69	GLOCOM	Vietnamese
4	DANG VAN HUNG	AMD	16	1	6		55	GLOCOM	Vietnamese
5	HOANG NGOC HUNG	AMD	09	1	7		73	GLOCOM	Vietnamese
6	NGUYEN VAN TOAN	AMD	17	1	5		70	GLOCOM	Vietnamese
7	NGUYEN ANH DUC	AMD	10	1	8		73	GLOCOM	Vietnamese
8	LU QUOC NAM	AMD	01	1	4		69	GLOCOM	Vietnamese
9	DUONG CHI PHONG	AMD					70	KH-THAC	Vietnamese
10	TRAN NGOC PHUC	AMD	11	1	7		67	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN VAN HUNG	AMD	14-15	2	3		69	KH-THAC	Vietnamese
12	TRAN HUU DANG	AMD	12	1	2		87	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN TAN VUONG	AMD	04	1	8		70	PSV	Vietnamese
14	LE VAN THIEN	AMD	13	1	7		66	PSV	Vietnamese
15	BUI VAN HUONG	TGTH4	90	1	7		69	KH-THAC	Vietnamese
16	PHAM TAN ANH DUC	TGTH4	91-92	2	14		66	KH-THAC	Vietnamese
17	DUONG CONG TAN	TGTH4	89	1	9		72	KH-THAC	Vietnamese
18	HOANG DINH VINH	TGTH4	87-88	2	13		68	KH-THAC	Vietnamese
19	DANG TUAN ANH	HST	23	1	8		86	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN VU HUNG	HST	22	1	10	100	81	KH-THAC	Vietnamese
21	PHAN MINH HOAI	HST	21	1	11		72	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	AMD	14	16	92	975	40	13		
2	TGTH4	4	6	43	275	0	0		
3	HST	3	3	29	239	100	0		
TOTAL		21	25	164	1.489	140	13		
WEIGHT KG				164	1.489	140			

GRAND TOAL: 1.793 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

new Route: HST - AMD - BT H4 (yeu / phi)

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 29/09/2023

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TD3+P7	7:25	10+12	0+0		5+17	0+0	
2		AMD	7:25	22	0		22	0	
3		TD3	7:25	22	0		22	0	
4		AMD+P1	9:25	16+6	0+0		2+15	0+0	
5		HST+P2	9:25	15+6	0+0		5+17	0+0	
6		AMD+P4	9:25	9+13	0+0		0+22	0+0	
7		P7+TD5+GTC1	11:25	4+14+3	0+0		3+14+5	0+0	
8		P4+RC8+RP1	11:25	21+0+0	0+0+0		17+5+0	0+0+0	Chuyen 1 RC8- RP1, cầu RC8 hồng
9		P1+TD1	13:25	21+1	0+0		16+4	0+0	
10		P3+TD3	13:25	12+10	0+0		11+7	0+0	

Chuyến 1 TD3-102

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
1/3 người P5 (TD3) Đi về trong ngày



FLIGHT MANIFEST



DATE: 29/09/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:40
FLIGHT: 1	TO: TD3 - P7	CREW: LTuấn - ĐNam - HIẾU	ETA: 09:30
VANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	KHOROTKOV VICTOR	TD3	86	1	10		100	KHOAN	Russian
2	SIDORSKII DA	TD3	95	1	11		99	KHOAN	Russian
3	NGUYEN TRUNG HOA	TD3	88	1	12		70	KHOAN	Vietnamese
4	PHẠM VIỆT DŨNG	TD3	90	1	5		69	KHOAN	Vietnamese
5	ĐOÀN QUANG BÁC	TD3	89	1	6		67	KHOAN	Vietnamese
6	ĐỖ DUY CHÍNH	TD3	87	1	5		74	KHOAN	Vietnamese
7	KAZANSAYE	TD3	93-94	2	15		65	KHOAN	Russian
8	MIKKHAILOV EVGENII	TD3	91	1	3		88	KHOAN	Russian
9	CHU MINH HUNG	TD3	92	1	3		85	KH-THAC	Vietnamese
10	PHAM XUAN HIEU	TD3	96	1	3		60	KHOAN	Vietnamese
11	HOANG MANH CUONG	P7	11	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN DINH TRONG	P7					70	KH-THAC	Vietnamese
13	MAI VAN SON	P7	08	1	12		60	KH-THAC	Vietnamese
14	PHAN TIEN HIEP	P7	09	1	7		68	KH-THAC	Vietnamese
15	MAI CONG LAN	P7					68	KH-THAC	Vietnamese
16	PHẠM NGỌC SƠN	P7	15	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
17	TRỊNH VĂN PHUÔNG	P7					77	KH-THAC	Vietnamese
18	BUI TRONG NGHIA	P7	13	1	3		66	KH-THAC	Vietnamese
19	LAM ĐĂNG GIANG	P7	12	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
20	BUI THANH CAM	P7	14	1	5		76	KH-THAC	Vietnamese
21	LÊ HOÀI THANH	P7	10	1	5		67	YTE	Vietnamese
22	VŨ BAO THANH	P7	27,07	2	19		84	NIPI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD3	10	11	73	777	0	5		
2	P7	12	10	63	846	0	17		
TOTAL		22	21	136	1.623	0	22		
WEIGHT KG				136	1.623	0			

GRAND TOAL: 1.759 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 29/09/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:30
FLIGHT: 2	TO: AMD	CREW: Dương - NPhú - Tú	ETA: 09:20
xanh-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN VO BA LINH	AMD	49-50	2	15		73	HLJOC	Vietnamese
2	TRAN HAI NAM	AMD	78-79	2	15		60	KH-THAC	Vietnamese
3	PHAM TUAN HA	AMD	52	1	5		73	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN XUAN THUY	AMD	60	1	10		74	KH-THAC	Vietnamese
5	TRUONG THE HIEN	AMD	51	1	5	43	72	KH-THAC	Vietnamese
6	DOAN TAN TRI	AMD	54	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN DINH KHANH	AMD	48	1	5		52	KH-THAC	Vietnamese
8	PHAM ANH NGU	AMD	76	1	5	93	70	KH-THAC	Vietnamese
9	NGO BA THANH	AMD	46	1	6		67	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN CONG THANH	AMD	63	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN MANH CAN	AMD	44	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
12	CHU HUU CHINH	AMD	47	1	5		57	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN VAN HIEN	AMD	59	1	5		66	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN TRAN QUOC KHANG	AMD	74-75	2	19		72	KH-THAC	Vietnamese
15	LE VIET THANG	AMD	61-62	2	12		67	KH-THAC	Vietnamese
16	DAO DUC HUY	AMD	45	1	12		65	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN MINH HOANG	AMD	57-58	2	19		82	KH-THAC	Vietnamese
18	TRAN QUOC VIET	AMD	53	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
19	YA LOC	AMD	55-56	2	12		72	KH-THAC	Vietnamese
20	PHAM TUAN ANH	AMD	72-73	2	7		67	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYEN VAN DAN	AMD	71	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
22	TRAN HIEU THAO	AMD	77	1	5		55	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	AMD	22	29	187	1.469	136	22		
TOTAL		22	29	187	1.469	136	22		
WEIGHT KG				187	1.469	136			

GRAND TOAL: 1.792 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 29/09/2023	TO: TD3	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:35
FLIGHT: 3	FROM: VT	CREW: HUNG - Son - Vu	ETA: 09:25
CAM-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRAN TUAN ANH	TD3	90	1	10		90	KHOAN	Vietnamese
2	NGUYEN VAN HUNG	TD3	94	1	10		81	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYEN PHI HUNG	TD3	91	1	8		77	KHOAN	Vietnamese
4	VU QUANG HIEU	TD3	93	1	5		112	KHOAN	Vietnamese
5	TRANG NGOC HUNG	TD3	92	1	11		66	KHOAN	Vietnamese
6	VU MINH PHUONG	TD3					74	KH-THAC	Vietnamese
7	BUI THE DIEN	TD3	81	1	10		68	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN HOANG VIET	TD3	79	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
9	LUONG VAN THANH	TD3	72	1	3		66	KH-THAC	Vietnamese
10	HOANG NGOC ANH CHIEN	TD3	500	1	10		70	KH-THAC	Vietnamese
11	TONG XUAN SINH	TD3	75-76	2	10		63	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN TUAN MINH	TD3	74	1	5		83	KH-THAC	Vietnamese
13	TRAN DINH TU	TD3	78	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN VAN NGOC	TD3	73	1	8		64	KH-THAC	Vietnamese
15	DOAN DINH PHAC	TD3	80	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
16	PHAM HUNG DUONG	TD3	95	1	3		98	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYEN VAN HUY THAI	TD3					72	KHOAN	Vietnamese
18	BUI CONG SON	TD3	96	1	5		71	KHOAN	Vietnamese
19	HO SY PHUNG	TD3	97	1	5		63	KHOAN	Vietnamese
20	NGUYEN QUANG CHUC	TD3	98-99	2	15		71	PVDWS	Vietnamese
21	NGUYEN VAN TUONG	TD3	77	1	7		66	Y TE	Vietnamese
22	TRAN CAO MANH	TD3	82	1	5		73	KHTHAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD3	22	22	143	1.653	0	22		
TOTAL		22	22	143	1.653	0	22		
WEIGHT KG				143	1.653	0			

GRAND TOAL: 1.796 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 29/09/2023	TO: AMD - P1	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:58
FLIGHT: 4	FROM: VT	CREW: LTuấn - ĐNam - HIẾU	ETA: 11:50
VANG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN THANH TÂN	AMD	87	1	10		74	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN TIEN DUNG	AMD	88-89	2	15		82	KH-THAC	Vietnamese
3	DANG DUC HA	AMD	90	1	11		70	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN KHUÊ	AMD	95-96	2	15	120	65	KH-THAC	Vietnamese
5	NGÔ VĂN BÁC	AMD	92	1	15		69	KH-THAC	Vietnamese
6	PHAN HỮU PHƯỚC	AMD	97-98	2	12		68	KH-THAC	Vietnamese
7	HOANG NGOC TAN	AMD	62	1	12		63	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN ĐỨC NHÀ	AMD	85-86	2	15		55	KH-THAC	Vietnamese
9	LÊ QUANG VIỆT	AMD	95	1	11		72	KH-THAC	Vietnamese
10	PHẠM HUYNH CƯỜNG	AMD	93-94	2	15		80	CODIEN	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN LÊM	AMD	91	1	10		69	CODIEN	Vietnamese
12	TRẦN MINH TÙNG	AMD	97	1	10		77	CODIEN	Vietnamese
13	NÔNG MINH HẢI	AMD	94	1	12		71	CODIEN	Vietnamese
14	HOANG ĐỨC HAI	AMD	92	1	12		68	CODIEN	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN ĐOÀN	AMD	93	1	15		99	CODIEN	Vietnamese
16	NGUYỄN MANH TRUONG	P1	82	1	14		80	KH-THAC	Vietnamese
17	TRẦN VĂN TÙNG	P1	81	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
18	TRẦN XUÂN LẠNH	P1	83	1	10		71	KH-THAC	Vietnamese
19	TRƯỜNG QUỐC BẢO	P1	86-88	3	11		60	KH-THAC	Vietnamese
20	LÊ VĂN THĂNG	P1	84	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
21	LÊ NGỌC HAI	P1	85	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYỄN KHÁNH DUY	P1					82	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	AMD	15	20	190	1.082	120	2		
2	P1	7	8	50	489	0	15		
TOTAL		22	28	240	1.571	120	17		
WEIGHT KG				240	1.571	120			

GRAND TOAL: 1.931 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 29/09/2023	TO: HST - P2	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:50
FLIGHT: 5	FROM: VT	CREW: Dương - NPhú - Tú	ETA: 11:40
XANH-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN BINH PHUONG	HST	20-21	2	14		78	TLJOC	Vietnamese
2	NGUYEN LE HONG VU	HST	22	1	8		61	TLJOC	Vietnamese
3	NGUYEN THE TRUYEN	HST	23	1	12		78	TLJOC	Vietnamese
4	SEOW CHIN YEN	HST	24-25	2	20		95	TLJOC	Malaysian
5	NGUYEN NGHIEM VU	HST	26-27	2	11		81	TLJOC	Vietnamese
6	NGUYEN CONG KHANH	HST	67	1	9		84	TLJOC	Vietnamese
7	LUU ANH HUNG	HST	30-31	2	7		77	TLJOC	Vietnamese
8	TRAN TRUNG HIEU	HST	32	1	4		73	TLJOC	Vietnamese
9	TRAN NGOC THU	HST	12	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN DINH SONG	HST	18	1	8		54	KH-THAC	Vietnamese
11	VU NGOC DUONG	HST	28-29	2	9		67	KH-THAC	Vietnamese
12	QUACH VAN THAO	HST	13-14	2	9		70	KH-THAC	Vietnamese
13	TRUONG DUC HUNG	HST	19	1	8		77	KH-THAC	Vietnamese
14	LE CHI CUONG	HST	16-17	2	15		64	KH-THAC	Vietnamese
15	DO LY KHANH	HST	15	1	12		86	PSV	Vietnamese
16	NGUYEN TRONG HIEU	P2	62	1	5		65	PSV	Vietnamese
17	BUI LONG HUNG	P2	60-61	2	20		70	PSV	Vietnamese
18	TRUONG TRONG HAN	P2	64	1	5	60	56	PSV	Vietnamese
19	HOANG VAN CONG	P2	65	1	5		58	PSV	Vietnamese
20	NGUYEN VAN VUONG	P2	63	1	4		75	PSV	Vietnamese
21	NGUYEN QUOC VIET	P2	59	1	6		63	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	HST	15	22	151	1.115	0	5		
2	P2	6	7	45	387	60	17		
TOTAL		21	29	196	1.502	60	22		
WEIGHT KG				196	1.502	60			

GRAND TOAL: 1.758 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 29/09/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 12:00
FLIGHT: 06	TO: AMD - P4	CREW: CHIẾN - Mạnh - Huy	ETA: 13:45
xanh-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN ĐẠI NGHĨA	AMD	99	1	10		67	CODIEN	Vietnamese
2	NGUYỄN QUỐC BIỂU	AMD	99	1	10		64	CODIEN	Vietnamese
3	LƯU VĂN DÂN	AMD	96	1	12		63	CODIEN	Vietnamese
4	MAI ĐÌNH KHANG	AMD	98	1	10		50	CODIEN	Vietnamese
5	NGUYỄN TRÍ PHƯỚC	AMD	298	1	7	15	75	CODIEN	Vietnamese
6	TRẦN VĂN HUY	AMD	96	1	10	95	66	CODIEN	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN TRUONG	AMD	98	1	5		75	PSV	Vietnamese
8	NGUYỄN XUÂN HẠNH	AMD	97	1	9		67	PSV	Vietnamese
9	LÊ DUY HAI	AMD	55	1	5		75	PSV	Vietnamese
10	DANG TRONG DUNG	AMD	94-95	2	12		65	CODIEN	Vietnamese
11	MARIEV	P4	85	1	6		85	KH-THAC	Russian
12	PODYMOV	P4	21	1	5		135	KH-THAC	Russian
13	HOANG NGOC TRUONG	P4	27	1	19		80	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN VIỆT BĂNG	P4	20	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
15	HA VĂN NIN	P4	28	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN HỮU SỸ	P4	23-25	3	14		67	KH-THAC	Vietnamese
17	PHAN ANH ĐỨC	P4	18-19	2	11		90	KH-THAC	Vietnamese
18	HOÀNG KHÁC DƯ	P4	03	1	3		72	KH-THAC	Vietnamese
19	LÊ VĂN CHIẾN	P4					70	KH-THAC	Vietnamese
20	ĐẶNG HỒNG VIỆT	P4	22	1	6		54	KH-THAC	Vietnamese
21	LÂM VĂN PHÚC	P4	26	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
22	LÊ CHÍ BẢO	P4					78	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	AMD	10	11	90	667	110	0		
2	P4	12	13	81	936	0	22		
TOTAL		22	24	171	1.603	110	22		
WEIGHT KG				171	1.603	110			

GRAND TOAL: 1.884 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 29/09/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:50
FLIGHT: 07	TO: P7 - TD5 - GTC1	CREW: HUNG - Son - Vu	ETA: 14:00
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐẠO TUẤN CHỦ	P7	18	1	3		66	PSV	Vietnamese
2	NGUYỄN ĐÌNH AN	P7	17	1	5		57	PSV	Vietnamese
3	NGUYỄN VĂN LOAN	P7	19	1	5		46	PSV	Vietnamese
4	LƯƠNG VĂN KHOA	P7	16	1	3		55	PSV	Vietnamese
5	NGUYỄN NHƯ Y	TD5					80	KHOAN	Vietnamese
6	TRỊNH DUY THÀNH	TD5	29	1	3		77	KHOAN	Vietnamese
7	ĐÌNH VĂN SỰ	TD5					82	KHOAN	Vietnamese
8	LÊ VĂN HIỀN	TD5	35	1	8		78	KHOAN	Vietnamese
9	PHẠM VĂN LUÂN	TD5	30	1	5		59	KHOAN	Vietnamese
10	TRỊNH ANH TRƯỞNG	TD5	33	1	3		70	KHOAN	Vietnamese
11	VŨ XUÂN ANH	TD5	27	1	5	20	60	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYỄN MẠNH DƯƠNG	TD5	99	1	6		68	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN HIỀN	TD5	34	1	5		64	KHOAN	Vietnamese
14	VŨ LONG PHI	TD5	28	1	5		74	KHOAN	Vietnamese
15	VŨ TĂNG GIÁP	TD5	26	1	5		76	KHOAN	Vietnamese
16	DEMİN YURIY	TD5	98	1	10		100	KHOAN	Russian
17	NGUYỄN ĐÌNH PHƯƠNG	TD5	31	1	5		81	KHOAN	Vietnamese
18	TRẦN DẠC THẮNG	TD5	4000	1	2		69	PSV	Vietnamese
19	BELYAEV SERGEY	GTC1	02	1	15	40	79	KH THAC	Russian
20	TRAN DUC SON	GTC1	79-80	2	15	18	70	KH THAC	Vietnamese
21	NGUYEN QUOC KHOI	GTC1	80.	1	12		67	KH THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

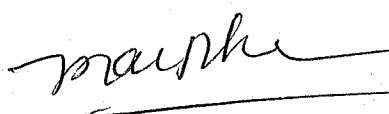
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P7	4	4	16	224	0	3		
2	TD5	14	12	62	1.038	20	14		
3	GTC1	3	4	42	216	58	5		
TOTAL		21	20	120	1.478	78	22		
WEIGHT KG				120	1.478	78			

GRAND TOAL: 1.676 KGS

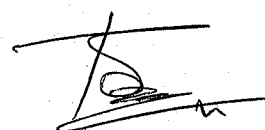
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 29/09/2023	TO: P4 - RC8 - RP1	AIRCRAFT: 427	ETD: 12:15
FLIGHT: 08	FROM: VT	CREW: TTrung - HTrung - DTùng	ETA: 14:05
HONG-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐÀO MINH TUÂN	P4	90	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN VĂN THƯƠNG	P4	91	1	3		75	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN THANH HAI	P4	82	1	8		69	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN TRƯỜNG THANH	P4	98	1	12		70	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐINH VĂN TOÀN	P4	93	1	5		58	KH-THAC	Vietnamese
6	LÂM XUÂN HAI	P4	83	1	3		66	KH-THAC	Vietnamese
7	PHẠM NGỌC HÙNG	P4	03	1	3		69	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN HÙNG BAY	P4	95	1	7		71	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN HỮU THANH	P4					67	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN THANH NAM	P4	99	1	4		77	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN THANH HAI	P4	700	1	5		57	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN MINH PHÚC	P4	87	1	15		62	KH-THAC	Vietnamese
13	ĐẶNG BA ĐIỀU	P4	97	1	3		55	YTE	Vietnamese
14	PHẠM CÔNG ĐIỆN	P4	88	1	8		72	PSV	Vietnamese
15	NGUYỄN DUY KHANH	P4	86	1	10		85	PSV	Vietnamese
16	ĐOÀN VĂN TUYẾN	P4	96	1	5		74	PSV	Vietnamese
17	NGUYỄN TIẾN HỒNG	P4	85	1	5		52	PSV	Vietnamese
18	LƯU ĐÌNH THAI	P4	84	1	5		54	PSV	Vietnamese
19	NGUYỄN HAI TRUNG	P4	94	1	3		70	PSV	Vietnamese
20	TRẦN CÔNG VƯƠNG	P4	89	1	5		55	PSV	Vietnamese
21	NGUYỄN VĂN HUYỀN	P4	92	1	5		55	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P4	21	20	119	1.383	0	15		Chuyen 1 pax RC8-RP1
2	RC8	0	0	0	0	40	5		
3	RP1	0	0	0	0	15	0		
TOTAL		21	20	119	1.383	55	20		
WEIGHT KG				119	1.383	55			

GRAND TOAL: 1.557 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 29/09/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 14:30
FLIGHT: 09	TO: P1 - TD1 - TD2	CREW: CHIẾN - Mạnh - Huy	ETA: 16:20
XANH-4			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VI KHẮC THÀNH	P1	13	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
2	LƯU VĂN TUÂN	P1	04	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
3	TRẦN QUANG PHƯỚC	P1					80	KH-THAC	Vietnamese
4	TRẦN THANH HAI	P1	22	1	5	37	70	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN XUÂN THUỜNG	P1	07	1	4		85	KH-THAC	Vietnamese
6	DƯƠNG DUY KHUÔNG	P1	19	1	7		74	KH-THAC	Vietnamese
7	HỒ HỮU CHUNG	P1	18	1	3		57	KH-THAC	Vietnamese
8	DƯƠNG NGUYỄN LONG NHÃN	P1	08	1	4		110	KH-THAC	Vietnamese
9	ĐẶNG ĐỨC TOANH	P1	20	1	4		62	KH-THAC	Vietnamese
10	LÊ VĂN TỰ	P1	05	1	4		66	KH-THAC	Vietnamese
11	HỒ NGUYỄN KHANH DUY	P1	12	1	8		62	KH-THAC	Vietnamese
12	CAO ĐĂNG PHONG	P1	02-03	2	7		72	KH-THAC	Vietnamese
13	CHÂU HÙNG HUY	P1	10-11	2	8		77	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN ĐÌNH HAI	P1	01	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
15	LÊ QUANG TIỀN	P1	06	1	3		63	KH-THAC	Vietnamese
16	LÊ MINH HIẾU	P1	16	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
17	VŨ QUANG TUYẾN	P1	21	1	11		94	KH-THAC	Vietnamese
18	TRẦN TRUNG KIẾN	P1	17	1	4		72	PSV	Vietnamese
19	LÊ HỒNG MINH	P1	15	1	6		73	PSV	Vietnamese
20	VŨ VĂN CHUYỀN	P1	09	1	5		67	PSV	Vietnamese
21	LÊ ĐỨC CUÔNG (1967)	P1	14	1	8		57	PSV	Vietnamese
22	NGUYỄN MINH DỤC	TD1	29-30	2	14	40	91	DKVN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P1	21	22	111	1.520	37	16		CHUYEN 01 PAX TD1-TD2
2	TD1	1	2	14	91	40	4	1	
3	TD2	0	0	0	0	0	1		
TOTAL		22	24	125	1.611	77	21		
WEIGHT KG				125	1.611	77			

GRAND TOAL: 1.813 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 29/09/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 14:33
FLIGHT: 10	TO: P3 - TD3	CREW: TTrung - HTrung - DTùng	ETA: 16:25
VANG-4			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHAM KHAC DOAN	P3	41	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
2	ĐAO DINH HUY	P3	93-95	3	18		79	KH-THAC	Vietnamese
3	LAM TUAN KHAI	P3	72-73	2	14		64	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN VAN TRUONG	P3	44	1	4		77	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN QUOC VINH	P3	60	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
6	LE TAM THUY	P3	63	1	6		74	KH-THAC	Vietnamese
7	HÔ NGHIA TAI	P3	62	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
8	CHAU DINH TU	P3	42	1	3	18	73	KH-THAC	Vietnamese
9	TRAN CONG THANH	P3	40	1	3		58	KH-THAC	Vietnamese
10	DINH SONG HAI	P3	45-46	2	15		57	YTE	Vietnamese
11	TRAN VIET BINH	P3	61	1	5		60	PSV	Vietnamese
12	CAO DUY LUNG	P3	34	1	7		56	PSV	Vietnamese
13	TRAN VIET HO	TD3	81	1	11		77	DVL	Vietnamese
14	VU VAN TRUNG	TD3	82	1	14		73	DVL	Vietnamese
15	PHAN ĐANG TUAN	TD3	83	1	15		61	DVL	Vietnamese
16	ĐANG VAN CHUNG	TD3	98	1	15		62	DVL	Vietnamese
17	NGUYEN HOANG SON	TD3	97	1	5		73	DVL	Vietnamese
18	BUI BACH DUONG	TD3	80	1	12		73	DVL	Vietnamese
19	TRAN ĐAI HUNG	TD3	84,85	2	15		77	DVL	Vietnamese
20	DINH VAN LUU	TD3	400	1	3		51	PSV	Vietnamese
21	ĐO KHAC ĐA	TD3	99	1	3		67	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

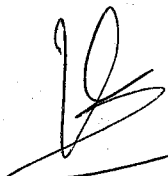
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P3	12	16	90	795	18	11		
2	TD3	9	10	93	614	0	7		
TOTAL		21	26	183	1.409	18	18		
WEIGHT KG				183	1.409	18			

GRAND TOAL: 1.610 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN

